

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 244/2024/DS-PT
Ngày: 04 - 5 - 2024
V/v tranh chấp: “Đòi di sản thừa kế
và hủy giấy chứng nhận QSDĐ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 521/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Đòi di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 248/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1080/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Đặng Thị B**, sinh năm 1952 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **Ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1972, địa chỉ: **Số B, ấp H, xã M, TP., tỉnh Tiền Giang** (Có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 28/10/2023).

- Bị đơn:

1. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

2. **Phan Thị T1**, sinh năm: 1970 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

Người đại diện theo ủy quyền của anh **T**, chị **T1** là anh **Lê Trường X**, sinh năm: 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: **Khu phố H, thị trấn T, huyện G, Tiền Giang.**

(Theo văn bản ủy quyền ngày 24/4/2023)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Đặng Văn C**, sinh năm: 1940 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

2. **Trần Thị M**, sinh năm: 1948 (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

Người đại diện theo ủy quyền của ông **C** và bà **M** là anh **Lê Trường X**, sinh năm: 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: **Khu phố H, thị trấn T, huyện G, Tiền Giang.**

(Theo văn bản ủy quyền ngày 24/4/2023 và ngày 19/01/2024)

3. **Đặng Thị S**, sinh năm: 1942 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: **Hẻm D số B đường B, phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.**

4. **Đặng Thị L**, sinh năm: 1957 (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Số C đường T, phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.**

Người đại diện theo ủy quyền của bà **L**, bà **S**: Anh **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1972, địa chỉ: **Số B, ấp H, xã M, TP., tỉnh Tiền Giang** (Có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 28/10/2023).

5. **Phan Thị L1**, sinh năm: 1967 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

6. **Nguyễn Thị Diệu T2**, sinh năm: 1994 (Xin vắng mặt).

7. **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm: 1997 (Xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

- **Người kháng cáo**: Nguyên đơn bà **Đặng Thị B**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà **Đặng Thị B** là bà **Phạm Thị Kim T3** trình bày: Cha của bà **B** tên **Đặng Văn N**, sinh năm: 1915 chết ngày 14/11/2000. Mẹ tên **Lê Thị T4**, sinh năm: 1913 chết ngày 26/10/2007. Khi cha mẹ bà **B** chết đều không để lại di chúc. Di sản để lại gồm có: Thửa đất 1648, TBD 03, diện tích 350 m² đất nuôi trồng thủy sản. Thửa đất 1649, TBD 03, diện tích 2150 m². Loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm. (Hai thửa đất 1648, 1649 theo dự án Vlap đo đạc lại thì 02 thửa đất trên là thửa 441, TBD số 59, diện tích: 3582,1 m². Mục đích đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm.). Thửa đất 1645 (thửa mới 408), TBD số 59, diện tích 1752

m². Tổng diện tích 5370 m²

Sau khi cha mẹ bà **B** chết thì bà **B** trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất 441. Riêng thửa đất 1645 (thửa mới 408) ông **C**, bà **M** quản lý sử dụng và tự ý kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó tặng cho con riêng của vợ ông **C** là anh **T**.

Nay bà **B** yêu cầu: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS09803 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp cho anh **Nguyễn Văn T** và chị **Phan Thị T1** ngày 19/4/2021. Yêu cầu anh **T**, chị **T1**, ông **C**, bà **M** trả lại thửa đất 408, TBD số 59, diện tích 1752 m².

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh **Nguyễn Văn T**, bà **Phan Thị T1** là anh **Lê Trường X** trình bày:* Anh **T**, chị **T1** không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà **B**. Phần đất này gia đình cha mẹ anh **T** đã được ông nội cho và sử dụng ổn định xây nhà ở từ năm 1978 đến nay và hiện nay vợ chồng anh, chị đã được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một cách hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Đặng Văn C** trình bày:* Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông quản lý sử dụng từ trước năm 1975 đến năm 1978 cha mẹ ông cho ông thửa đất 1645 (thửa mới 408) để ra khai phá riêng sinh sống, đến khi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông kê khai tại sổ mục kê thửa đất 1645 mà cha mẹ ông tặng cho và cha ông thì kê khai hai thửa đất còn lại. Ông đã quản lý sử dụng thửa đất 1645 (thửa mới 408) từ năm 1978 đến nay. Năm 2021 ông có làm giấy thỏa thuận để vợ ông là bà **Trần Thị M** đứng đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 09674 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp cho hộ bà **Trần Thị M** ngày 10/3/2021. Do vợ chồng con ông là **Nguyễn Văn T** là người trực tiếp chăm sóc cho vợ chồng ông và hiện nay tuổi đã già nên ngày 29/3/2021 vợ chồng ông tặng cho thửa đất này lại cho vợ chồng anh **T**, chị **T1**. Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không đồng ý.

*Người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Trần Thị M** là ông **Lê Trường X** trình bày:* Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ chồng bà **M** quản lý sử dụng từ trước năm 1975 đến năm 1978 cha mẹ chồng

cho vợ chồng bà thừa đất 1645 để ra riêng sinh sống. Đến khi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông **C** kê khai tại sổ mục kê thừa đất 1645 mà cha mẹ bà tặng cho và cha chồng bà thì kê khai hai thửa đất còn lại. Năm 2021 ông **C** có làm giấy thỏa thuận để bà đứng đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 09674 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp cho hộ bà **Trần Thị M** ngày 10/3/2021. Do con của bà là anh **Nguyễn Văn T** là người trực tiếp chăm sóc cho vợ chồng bà và hiện nay tuổi đã già nên ngày 29/3/2021 vợ chồng bà tặng cho thửa đất này lại cho vợ chồng anh **T**, chị **T1**. Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà không đồng ý.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Đặng Thị S** là ông **Nguyễn Hữu P** trình bày:* Nguồn gốc thửa đất 1645 là của cha mẹ bà **S** quản lý sử dụng từ trước năm 1975. Khi cha mẹ bà chết không để lại di chúc. Năm 2008 thì các chị em bà và ông **C** phát sinh tranh chấp chia di sản thừa kế, các chị em bà không đồng ý để ông **C** kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2021 bà **M** tự ý kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tặng lại cho con riêng của bà là anh **Nguyễn Văn T**. Nay bà **S** thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đặng Thị L** trình bày:* Nguồn gốc thửa đất 1645 là của cha mẹ bà quản lý sử dụng từ trước năm 1975. Khi cha mẹ bà chết không để lại di chúc. Năm 2008 thì các chị em bà và ông **C** phát sinh tranh chấp chia di sản thừa kế, các chị em bà không đồng ý để ông **C** kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2021 bà **M** tự ý kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tặng lại cho con riêng của bà là anh **Nguyễn Văn T**. Nay bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Phan Thị LI** trình bày:* Năm 2022 vợ chồng anh **T** có đến gặp bà để vay số tiền 200.000.000 đồng để làm ăn, thời hạn vay tiền là 02 năm khi vay tiền vợ chồng anh **T** có đưa bà giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 408 để làm tin. Nay bà **B** tranh chấp yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên với vợ chồng anh **T**, chị **T1** bà không có ý kiến gì. Đối với số tiền vợ chồng chị **T1** vay của bà thì khi nào vợ

chồng chị **T1** trả tiền thì bà trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 408 cho vợ chồng chị **T1**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Diệu T2, Nguyễn Thị Thanh H cùng trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn T, bà Phan Thị T1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 248/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 228, 227, 232, 264, 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 158, 160, 163, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị B về việc: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 408, tờ bản đồ 59, có số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS09803 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị T1 ngày 19/4/2021. Yêu cầu anh Nguyễn Văn T, chị Phan Thị T1, ông Đặng Văn C, bà Trần Thị M trả lại thửa đất 408, TĐĐ số 59, diện tích 1752 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS09803 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị T1 ngày 19/4/2021.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 25/9/2023, nguyên đơn bà Đặng Thị B có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm xử ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 02/5/2024, bà Đặng Thị B, bà Đặng Thị S và bà Đặng Thị L có văn bản thỏa thuận gửi cho Tòa án với nội dung: Bà Đặng Thị S và bà Đặng Thị L đồng ý để cho bà Đặng Thị B được quyền đăng ký kê khai xin cấp và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 441, tờ bản đồ 59 (Theo bản đồ 1/5000 là trọn thửa 1648, 1649 và một phần thửa 1647), mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm tại ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Bà B được toàn quyền định đoạt đối với thửa đất sau khi được đứng tên quyền sử dụng đất, bà B không phải hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà S và bà L đối với thửa đất trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phạm Ngọc D đại diện ủy quyền của bà Đặng Thị B, Đặng Thị S, Đặng Thị L và anh Lê Trường X đại diện ủy quyền của ông Đặng Văn C, bà Trần Thị M, anh Nguyễn Văn T, chị Phan Thị T1 thỏa thuận như sau: Ông C, bà M, anh T, chị T1 được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích là 1752m² (trong đó đất ở nông thôn là 300m², đất trồng cây lâu năm là

1452m²) thuộc thửa số 408, tờ bản đồ 59 tại ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, do anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS09803 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 19/4/2021. Bà B được quản lý sử dụng và kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đo đạc thực tế là 3588,3m² (đo đạc theo dự án VLAP diện tích là 3582,1m²) thuộc thửa số 441, tờ bản đồ 59, loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (theo bản đồ 1/5000 là trọn thửa 1648, 1649 và một phần thửa 1647, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Bà B không phải hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà S và bà L.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật; Về nội dung vụ án: Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các đương sự đã thỏa thuận được với nhau và sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị B, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là chưa chính xác, cần xác định lại quan hệ pháp luật là “Đòi di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L1, chị Nguyễn Thị Diệu T2 và chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với bà L1, chị T2 và chị H.

[2] Về nội dung vụ án: Cụ Đặng Văn N, sinh năm 1915 chết ngày 14/11/2000 và cụ Lê Thị T4, sinh năm 1913 chết ngày 26/10/2007 là vợ chồng. Cụ N và cụ T4 có 06 người con gồm: Đặng Văn C, sinh năm 1940; Đặng Thị S, sinh năm 1942; Đặng Văn C1, sinh năm 1948 chết năm 1966 (liệt sĩ) không có vợ con; Đặng Thị N1, sinh năm 1950 chết năm 2013 không có chồng con; Đặng Thị B, sinh năm 1952 và Đặng Thị L, sinh năm 1957.

Theo bà **Đặng Thị B**, **Đặng Thị S** và **Đặng Thị L** trình bày, cha mẹ các bà chết không để lại di chúc. Di sản của hai cụ là quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 5370m², gồm thửa đất số 1648, tờ bản đồ số 3, diện tích 350m² loại đất nuôi trồng thủy sản; thửa đất số 1649, tờ bản đồ số 3, diện tích 2150m² loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm. Hai thửa đất này theo dự án Vlap đo đạc lại là thửa số 441, tờ bản đồ số 59, diện tích 3582,1m² loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 1645 (thửa mới là 408) tờ bản đồ 59, diện tích 1752m². Đất tại **ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang**.

Sau khi cha mẹ chết, bà **B** là người trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất số 441. Riêng thửa đất số 1645 (thửa mới 408) ông **C** và bà **M** quản lý sử dụng sau đó tự ý kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng và đã tặng cho con riêng của bà **M** là anh **Nguyễn Văn T**. Bà **B** cho rằng đây là di sản của cụ **N** và cụ **T4** chết để lại chưa chia nên đã khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS09803 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp cho anh **Nguyễn Văn T** và chị **Phan Thị T1** ngày 19/4/2021. Yêu cầu anh **T**, chị **T1**, ông **C**, bà **M** trả lại thửa đất số 408, tờ bản đồ 59, diện tích 1752m².

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đặng Thị B**, bà **B** không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm anh **Phạm Ngọc D**, người đại diện theo ủy quyền cho các bà **Đặng Thị B**, **Đặng Thị S**, **Đặng Thị L** và anh **Lê Trường X**, người đại diện theo ủy quyền của ông **Đặng Văn C**, bà **Trần Thị M**, anh **Nguyễn Văn T**, chị **Phan Thị T1** đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án là: Ông **C**, bà **M**, anh **T**, chị **T1** được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích là 1752m² (trong đó đất ở nông thôn là 300m², đất trồng cây lâu năm là 1452m²) thuộc thửa số 408, tờ bản đồ 59 tại **ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang**, do anh **Nguyễn Văn T** và chị **Phan Thị T1** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS09803 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp ngày 19/4/2021. Bà **B** được quản lý sử dụng và kê khai đăng ký xin cấp và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 441, tờ bản đồ 59, qua đo đạc thực tế có diện tích là 3588,3m² loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (theo bản đồ 1/5000 là trọn thửa 1648, 1649 và một phần thửa 1647) tại **ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang**. Bà **B** không phải hoàn giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho bà **S** và bà **L**.

Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này theo quy định tại Điều 300 của

Bộ luật tố tụng dân sự và sửa bản án sơ thẩm theo khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà **Đặng Thị B** là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 158, Điều 160 và Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 248/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông **Đặng Văn C**, bà **Trần Thị M**, anh **Nguyễn Văn T** và chị **Phan Thị T1** được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích là 1752m² (trong đó đất ở nông thôn là 300m², đất trồng cây lâu năm là 1452m²) thuộc thửa số 408, tờ bản đồ 59 tại **ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang**, do anh **Nguyễn Văn T** và chị **Phan Thị T1** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS09803 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp ngày 19/4/2021.

3. Bà **Đặng Thị B** được quản lý sử dụng và kê khai đăng ký, xin cấp và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 441, tờ bản đồ 59, có diện tích đo đạc thực tế là 3588,3m² loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (theo bản đồ 1/5000 là trọn thửa 1648, 1649 và một phần thửa 1647) tại **ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang** (Có sơ đồ kèm theo).

Bà **Đặng Thị B** được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà **Đặng Thị B**.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh

